BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **126** /QĐ-HVN	*Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2023

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 và Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động và Thông tư số 03/2021/TT-BNV ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Lương Học viện và theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nâng bậc lương, phụ cấp thâm niên vượt khung năm 2023 đối với **227** viên chức và người lao động của Học viện có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và công chức, viên chức, người lao động có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ NN và PTNT (để b/c);
- Lưu VT, TC.LT(10)

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

DANH SÁCH VIÊN CHỨC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG
ĐƯỢC NÂNG BẬC LƯƠNG, PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số **126** /QĐ-HVN ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

Tổng số viên chức và người lao động của Học viện tại thời điểm báo cáo: **1.055** người

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
I	**Viên chức và người lao động được nâng bậc lương thường xuyên**																				
1	Lê Ngọc	Tú	1976		Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2020	01.002	3	5.08			01/10/2023	3	0.340	1,836,000	Kéo dài 06 tháng
2	Tạ Phương	Thúy		1988	Thạc sĩ	01.003	1	2.34			01/07/2020	01.003	2	2.67			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
3	Nguyễn Thị Thùy	Dung		1985	Đại học	01.003	1	2.34			01/10/2020	01.003	2	2.67			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
4	Nguyễn Thọ Quang	Anh	1983		Thạc sĩ	01.003	2	2.67			01/07/2020	01.003	3	3.00			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
5	Lưu Thị	Nguyệt		1984	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/11/2020	01.003	4	3.33			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
6	Phan Thị Thu	Phương		1983	Đại học	01.003	4	3.33			01/10/2020	01.003	5	3.66			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
7	Đỗ Kim	Yến		1976	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/11/2020	01.003	5	3.66			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
8	Nguyễn Phục	Hưng	1979		Tiến sĩ	01.003	5	3.66			01/11/2020	01.003	6	3.99			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
9	Vũ Thị	Ly		1981	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/08/2020	01.003	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
10	Ngô Thị Minh	Nguyệt		1980	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/08/2020	01.003	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
11	Lê Trường	Giang	1966		Đại học	01.003	6	3.99			01/08/2020	01.003	7	4.32			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
12	Dương Thị	Hằng		1988	Trung cấp	01.007	5	2.37			01/11/2021	01.007	6	2.55			01/11/2023	2	0.180	648,000	
13	Nguyễn Văn	Hải	1964			01.007	10	3.27			01/09/2021	01.007	11	3.45			01/09/2023	4	0.180	1,296,000	
14	Trần Thị Lan	Anh		1994	Đại học	01.009	4	1.54			01/11/2021	01.009	5	1.72			01/11/2023	2	0.180	648,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
15	Trần Thị ánh	Nguyệt		1987		01.009	6	1.90			01/11/2021	01.009	7	2.08			01/11/2023	2	0.180	648,000	
16	Nguyễn Thị Ngọc	Hà		1987	Đại học	01.009	6	1.90			01/12/2021	01.009	7	2.08			01/12/2023	1	0.180	324,000	
17	Vũ Chung	Kiên	1987		Thạc sĩ	01.009	10	2.62			01/09/2021	01.009	11	2.80			01/09/2023	4	0.180	1,296,000	
18	Phạm Quốc	Việt	1975		Đại học	01.010	11	3.85			01/08/2021	01.010	12	4.03			01/08/2023	5	0.180	1,620,000	
19	Cao Minh	Long	1989		Đại học	01.011	3	1.86			01/12/2021	01.011	4	2.04			01/12/2023	1	0.180	324,000	
20	Nguyễn Văn	Bài	1967			01.011	6	2.40			01/08/2021	01.011	7	2.58			01/08/2023	5	0.180	1,620,000	
21	Đặng Bá	Trung	1975			01.011	7	2.58			01/09/2021	01.011	8	2.76			01/09/2023	4	0.180	1,296,000	
22	Võ Văn	Ngà	1964			01.011	11	3.30			01/08/2021	01.011	12	3.48			01/08/2023	5	0.180	1,620,000	
23	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung		1979	Thạc sĩ	06.031	7	4.32			01/09/2020	06.031	8	4.65			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
24	Lê Thị	Xuân		1978	Đại học	06.032	7	3.06			01/10/2021	06.032	8	3.26			01/10/2023	3	0.200	1,080,000	
25	Phạm Thị Thu	Hà		1993	Thạc sĩ	13.095	2	2.67			01/09/2020	13.095	3	3.00			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
26	Nguyễn Thị	Hồng		1993	Đại học	13.095	2	2.67			01/10/2020	13.095	3	3.00			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
27	Đỗ Hữu	Duật	1981		Thạc sĩ	13.095	4	3.33			01/10/2020	13.095	5	3.66			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
28	Phan Thị	Hiền		1982	Thạc sĩ	13.095	4	3.33			01/10/2020	13.095	5	3.66			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
29	Tô Văn	Nguyện	1984		Đại học	13.095	4	3.33			01/10/2020	13.095	5	3.66			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
30	Trịnh Việt	ánh	1987		Đại học	13.095	4	3.33			01/10/2020	13.095	5	3.66			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
31	Trần Thị Thuý	An		1982	Đại học	13.095	5	3.66			01/10/2020	13.095	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
32	Nguyễn Thị Thanh	Hương		1982	Đại học	13.095	5	3.66			01/10/2020	13.095	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
33	Bùi Thị	Bích		1980	Thạc sĩ	13.095	7	4.32			01/10/2020	13.095	8	4.65			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
34	Nguyễn Việt	Dũng	1975		Đại học	13.095	7	4.32			01/09/2020	13.095	8	4.65			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
35	Nguyễn Thị	Hường		1984	Đại học	13.096	4	2.19			01/10/2021	13.096	5	2.37			01/10/2023	3	0.180	972,000	
36	Đặng Thị	Hường		1984	Thạc sĩ	V.05.02.07	1	2.34			01/07/2020	V.05.02.07	2	2.67			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
37	Đỗ Đình	Thi	1978		Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/08/2020	V.05.02.07	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
38	Dương Huy	Thanh	1982		Đại học	V.05.02.07	5	3.66			01/08/2020	V.05.02.07	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
39	Nguyễn Thị Hải	Hà		1987	Đại học	V.05.02.08	5	2.66			01/07/2021	V.05.02.08	6	2.86			01/07/2023	6	0.200	2,160,000	
40	Nguyễn Văn	Thông	1988		Đại học	V.05.02.08	6	2.86			01/08/2021	V.05.02.08	7	3.06			01/08/2023	5	0.200	1,800,000	
41	Lê Hồng	Giang	1985		Thạc sĩ	V.05.02.08	7	3.06			01/10/2021	V.05.02.08	8	3.26			01/10/2023	3	0.200	1,080,000	
42	Nguyễn Thị	Bình		1987	Đại học	V.05.02.08	7	3.06			01/08/2021	V.05.02.08	8	3.26			01/08/2023	5	0.200	1,800,000	
43	Lê Đức	Tuân	1981		Đại học	V.05.02.08	7	3.06			01/10/2021	V.05.02.08	8	3.26			01/10/2023	3	0.200	1,080,000	
44	Nông Văn	Nam	1981		Thạc sĩ	V.05.02.08	8	3.26			01/11/2021	V.05.02.08	9	3.46			01/11/2023	2	0.200	720,000	
45	Nguyễn Xuân	Cảnh	1979		Tiến sĩ	V.07.01.01	1	6.20			06/07/2020	V.07.01.01	2	6.56			06/07/2023	6	0.360	3,888,000	
46	Lê Ngọc	Anh		1977	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
47	Trần Trọng	Phương	1973		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
48	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh		1982	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
49	Nguyễn Thị	Minh		1971	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
50	Nguyễn Thị Thanh	Thủy		1970	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
51	Sử Thanh	Long	1971		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
52	Lê Văn	Phan	1976		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
53	Nguyễn Văn	Giang	1969		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
54	Kim Văn	Vạn	1972		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
55	Đỗ Văn	Nhạ	1973		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2020	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
56	Phạm Văn	Hùng	1963		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			01/10/2020	V.07.01.01	4	7.28			01/10/2023	3	0.360	1,944,000	
57	Trịnh Đình	Thâu	1959		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			01/07/2020	V.07.01.01	4	7.28			01/07/2023	6	0.360	3,888,000	
58	Nguyễn Thị Thanh	Hải		1982	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
59	Phạm Thị	Ngọc		1982	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
60	Vũ Thị Thúy	Hằng		1980	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
61	Hán Quang	Hạnh	1982		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/04/2018	V.07.01.02	2	4.74			01/11/2023	2	0.340	1,224,000	Kéo dài 31 tháng
62	Hà Xuân	Bộ	1981		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
63	Lê Việt	Phương	1970		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/08/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/08/2023	5	0.340	3,060,000	
64	Nguyễn Thị	Giang		1981	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
65	Nguyễn Thu	Thùy		1984	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
66	Nguyễn Thị Thu	Hương		1981	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
67	Phan Văn	Khuê	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
68	Nguyễn Đình	Trung	1983		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
69	Nguyễn Thị	Hiền		1985	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
70	Vũ Thị	Hoàn		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
71	Phan Thị	Thúy		1973	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
72	Đinh Thị Hải	Vân		1975	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
73	Đỗ Thị Thanh	Huyền		1980	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
74	Đỗ Thị	Diệp		1985	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
75	Lê Thị Thanh	Loan		1985	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
76	Nguyễn Thị	Thiêm		1980	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
77	Lê Văn	Hùng	1978		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
78	Trần Thị	Mai		1976	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
79	Vũ Thị	Huyền		1981	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
80	Nguyễn Thị Hoàng	Yến		1981	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
81	Nguyễn Thị Hồng	Chiên		1983	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
82	Phạm Thị Lan	Hương		1982	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
83	Nguyễn Thị Thanh	Hà		1983	Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
84	Lê Thị	Nhung		1984	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
85	Bùi Hồng	Quý		1984	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
86	Phạm Thị Lam	Hồng		1975	Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/10/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/10/2023	3	0.340	1,836,000	
87	Nguyễn Công	Ước	1974		Thạc sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/09/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/09/2023	4	0.340	2,448,000	
88	Đặng Đức	Hoàn	1982		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
89	Hoàng	Hiệp	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	1	4.40			01/12/2020	V.07.01.02	2	4.74			01/12/2023	1	0.340	612,000	
90	Nguyễn Đắc	Dũng	1976		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/09/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2023	4	0.340	2,448,000	
91	Lê Minh	Nguyệt		1975	Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/10/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/10/2023	3	0.340	1,836,000	
92	Vũ Văn	Tuấn	1973		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/09/2020	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2023	4	0.340	2,448,000	
93	Trịnh Quang	Huy	1975		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/09/2020	V.07.01.02	4	5.42			01/09/2023	4	0.340	2,448,000	
94	Nguyễn Mai	Thơm	1968		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/10/2020	V.07.01.02	4	5.42			01/10/2023	3	0.340	1,836,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
95	Hoàng Xuân	Anh	1974		Thạc sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/09/2020	V.07.01.02	5	5.76			01/09/2023	4	0.340	2,448,000	
96	Bùi Việt	Đức	1967		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/12/2020	V.07.01.02	5	5.76			01/12/2023	1	0.340	612,000	
97	Nguyễn Quang	Huy	1993		Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/12/2020	V.07.01.03	3	3.00			01/12/2023	1	0.330	594,000	
98	Nguyễn Thị Khánh	Huyền		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/07/2020	V.07.01.03	4	3.33			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
99	Vũ Quỳnh	Hoa		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/07/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
100	Nguyễn Đức	Lộc	1984		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/08/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
101	Nguyễn Tuyết	Lan		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/08/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
102	Trần Thị Như	Ngọc		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/12/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/12/2023	1	0.330	594,000	
103	Vũ Đức	Hạnh	1984		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/11/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
104	Trần Trọng	Nam	1986		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/12/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/12/2023	1	0.330	594,000	
105	Lê Việt	Dũng	1984		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/11/2020	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
106	Nguyễn Thị Dương	Huyền		1983	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/10/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
107	Nguyễn Công	Oánh	1982		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
108	Hà Thị Hồng	Yến		1984	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/07/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
109	Nguyễn Thị Minh	Khuê		1985	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
110	Lê Thị Diệu	Thùy		1985	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
111	Phan Trọng	Tiến	1984		Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
112	Nguyễn Thị	Huyền		1984	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
113	Đồng Đạo	Dũng	1984		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
114	Nguyễn Quốc	Trung	1981		Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/10/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
115	Đặng Thị Thanh	Tâm		1985	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/08/2020	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
116	Dương Thu	Hương		1984	Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
117	Bùi Lê	Vinh	1980		Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
118	Mai Thị Thanh	Thủy		1980	Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
119	Lương Minh	Quân	1983		Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
120	Lê Văn	Dũng	1983		Thạc sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2020	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
121	Nguyễn Thị Thu	Hà		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
122	Nguyễn Thị Minh	Tâm		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/08/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
123	Nguyễn Thị Kim	Quế		1976	Thạc sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/08/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
124	Nguyễn Ngọc	Tuấn	1976		Tiến sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
125	Nguyễn Thị Thu	Hà		1977	Tiến sĩ	V.07.01.03	7	4.32			01/11/2020	V.07.01.03	8	4.65			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
126	Lê Thị Kim	Thanh		1974	Thạc sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/09/2020	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
127	Trương Thị Thu	Hạnh		1975	Thạc sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/09/2020	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
128	Nguyễn Thị	Ngân		1974	Thạc sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/09/2020	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
129	Hà Thị	Lan		1975	Thạc sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/12/2020	V.07.01.03	9	4.98			01/12/2023	1	0.330	594,000	
130	Nguyễn Duy	Linh	1976		Tiến sĩ	V.07.01.03	8	4.65			01/09/2020	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
131	Trần Thị Yên	Thái		1977	Trung cấp	V.08.05.13	11	3.86			01/11/2021	V.08.05.13	12	4.06			01/11/2023	2	0.200	720,000	
132	Vũ Thị Hồng	Lan		1982	Đại học	V.10.02.06	6	3.99			01/11/2020	V.10.02.06	7	4.32			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
II	**Viên chức và người lao động được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ**																				
133	Mai Thị Thanh	Tuyền		1982	Thạc sĩ	01.002	2	4.74			01/04/2021	01.002	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
134	Lê Văn	Quân	1984		Đại học	01.003	1	2.34			01/11/2021	01.003	2	2.67			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
135	Lương Quốc	Quân	1989		Đại học	01.003	2	2.67			01/06/2021	01.003	3	3.00			01/06/2023	7	0.330	4,055,700	
136	Vũ Thị Khánh	Toàn		1981	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2021	01.003	4	3.33			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
137	Hoàng Thị Thu	Hiền		1972	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/09/2021	01.003	4	3.33			01/09/2023	4	0.330	2,376,000	
138	Bùi Thị	Hậu		1988	Thạc sĩ	01.003	3	3.00			01/01/2021	01.003	4	3.33			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
139	Nguyễn Phương	Dung		1986	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/02/2021	01.003	5	3.66			01/02/2023	11	0.330	6,022,500	
140	Nguyễn Thị Ngọc	Lan		1985	Thạc sĩ	01.003	4	3.33			01/01/2021	01.003	5	3.66			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
141	Trần Thanh	Hải	1983		Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/10/2021	01.003	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
142	Đinh Hải	Chung	1979		Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/11/2021	01.003	6	3.99			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
143	Dương Thị Minh	Phượng		1986	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/08/2021	01.003	6	3.99			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
144	Nguyễn Thái	Sơn	1977		Đại học	01.003	5	3.66			01/10/2021	01.003	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
145	Nguyễn Thùy	Dung		1986	Thạc sĩ	01.003	5	3.66			01/05/2021	01.003	6	3.99			01/05/2023	8	0.330	4,547,400	
146	Trần Thị	Giang		1982	Đại học	01.003	6	3.99			01/05/2021	01.003	7	4.32			01/05/2023	8	0.330	4,547,400	
147	Nguyễn Anh	Tuấn	1976		Đại học	01.003	6	3.99			01/01/2021	01.003	7	4.32			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
148	Phan Văn	Đồng	1977		Thạc sĩ	01.003	8	4.65			01/05/2021	01.003	9	4.98			01/05/2023	8	0.330	4,547,400	
149	Bùi Đạo	Tĩnh		1984	Cao đẳng	01.004	7	3.06			01/02/2022	01.004	8	3.26			01/02/2023	11	0.200	3,650,000	
150	Nguyễn Thị Việt	Hồng		1989	Đại học	01.009	6	1.90			01/06/2022	01.009	7	2.08			01/06/2023	7	0.180	2,212,200	
151	Nguyễn Thị	Tuyến		1981		01.009	7	2.08			01/01/2022	01.009	8	2.26			01/01/2023	12	0.180	3,553,200	
152	Nghiêm Thị	Kim		1976		01.009	8	2.26			01/06/2022	01.009	9	2.44			01/06/2023	7	0.180	2,212,200	
153	Trần Văn	Thuần	1983		Đại học	01.011	6	2.40			01/05/2022	01.011	7	2.58			01/05/2023	8	0.180	2,480,400	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
154	Ngô Huy	Dũng	1970		Đại học	01.011	7	2.58			01/08/2022	01.011	8	2.76			01/08/2023	5	0.180	1,620,000	
155	Vũ Thị	Trang		1978	Thạc sĩ	06.031	5	3.66			01/10/2021	06.031	6	3.99			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
156	Lê Thị Phương	Thơm		1978	Đại học	06.031	5	3.66			01/01/2021	06.031	6	3.99			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
157	Nguyễn Anh	Tuấn	1987		Đại học	13.095	2	2.67			01/05/2021	13.095	3	3.00			01/05/2023	8	0.330	4,547,400	
158	Tống Văn	Hải	1979		Tiến sĩ	13.095	5	3.66			01/07/2021	13.095	6	3.99			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
159	Nguyễn Thị Châu	Giang		1981	Thạc sĩ	13.095	6	3.99			01/01/2021	13.095	7	4.32			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
160	Phùng Thị	Hạnh		1981	Đại học	13.096	5	2.66			01/10/2022	13.096	6	2.86			01/10/2023	3	0.200	1,080,000	
161	Trương Quang	Lâm	1982		Tiến sĩ	V.05.01.03	4	3.33			01/03/2021	V.05.01.03	5	3.66			01/03/2023	10	0.330	5,530,800	
162	Trần Thị	Đào		1986	Thạc sĩ	V.05.02.07	4	3.33			01/07/2021	V.05.02.07	5	3.66			01/07/2023	6	0.330	3,564,000	
163	Võ Văn	Hiểu	1982		Thạc sĩ	V.05.02.07	5	3.66			01/06/2021	V.05.02.07	6	3.99			01/06/2023	7	0.330	4,055,700	
164	Giang Thị	Huệ		1983	Đại học	V.05.02.08	7	3.06			01/08/2022	V.05.02.08	8	3.26			01/08/2023	5	0.200	1,800,000	
165	Đỗ Đức	Lực	1970		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
166	Trần Quốc	Vinh	1972		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
167	Lê Thị	Giang		1973	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
168	Phan Quốc	Hưng	1968		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
169	Phan Thị Thanh	Huyền		1977	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
170	Nguyễn Thị Dương	Nga		1976	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
171	Nguyễn Thị	Diễn		1973	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
172	Bùi Thị	Nga		1976	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
173	Đồng Huy	Giới	1972		Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
174	Lại Thị Lan	Hương		1977	Tiến sĩ	V.07.01.01	2	6.56			17/07/2021	V.07.01.01	3	6.92			17/07/2023	6	0.360	3,888,000	
175	Tăng Thị	Hạnh		1975	Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
176	Trần Văn	Quang	1973		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
177	Lê Minh	Lư	1961		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			01/07/2021	V.07.01.01	4	7.28			01/07/2023	6	0.360	3,888,000	
178	Nguyễn Mậu	Dũng	1973		Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
179	Nguyễn Thị Minh	Hiền		1970	Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
180	Nguyễn Phượng	Lê		1973	Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
181	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ		1973	Tiến sĩ	V.07.01.01	3	6.92			30/12/2021	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2023	1	0.360	648,000	
182	Phạm Văn	Cường	1971		Tiến sĩ	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2021	V.07.01.01	5	7.64			30/12/2023	1	0.360	648,000	
183	Nguyễn Quang	Học	1961		Tiến sĩ	V.07.01.01	4	7.28			01/07/2021	V.07.01.01	5	7.64			01/07/2023	6	0.360	3,888,000	
184	Nguyễn Thị	Lan		1974	Tiến sĩ	V.07.01.01	4	7.28			30/12/2021	V.07.01.01	5	7.64			30/12/2023	1	0.360	648,000	
185	Trần Hữu	Cường	1962		Tiến sĩ	V.07.01.01	4	7.28			01/07/2021	V.07.01.01	5	7.64			01/07/2023	6	0.360	3,888,000	
186	Vũ Đình	Tôn	1958		Tiến sĩ	V.07.01.01	5	7.64			01/07/2021	V.07.01.01	6	8.00			01/07/2023	6	0.360	3,888,000	
187	Ngô Thị Hồng	Tươi		1977	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
188	Vũ Thanh	Hải	1975		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
189	Trần Anh	Tuấn	1974		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/03/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/03/2023	10	0.340	5,698,400	
190	Đinh Hồng	Duyên		1981	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
191	Luyện Hữu	Cử	1976		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
192	Nguyễn Thị Thu	Huyền		1981	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
193	Đàm Văn	Phải	1979		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
194	Phạm Quang	Dũng	1980		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
195	Hoàng Thị	Hà		1978	Thạc sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
196	Ngô Thị Thu	Hằng		1979	Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
197	Nguyễn Công	Tiệp	1977		Tiến sĩ	V.07.01.02	2	4.74			01/04/2021	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
198	Nguyễn Xuân	Trường	1973		Tiến sĩ	V.07.01.02	3	5.08			01/04/2021	V.07.01.02	4	5.42			01/04/2023	9	0.340	5,191,800	
199	Nguyễn Đình	Thi	1965		Tiến sĩ	V.07.01.02	4	5.42			01/10/2021	V.07.01.02	5	5.76			01/10/2023	3	0.340	1,836,000	
200	Nguyễn Đăng	Thiện	1966		Thạc sĩ	V.07.01.02	7	6.44			01/12/2021	V.07.01.02	8	6.78			01/12/2023	1	0.340	612,000	
201	Phạm Vân	Anh		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	2	2.67			01/01/2021	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
202	Lê Thị Kim	Thư		1990	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
203	Phạm Thị Lan	Anh		1991	Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/05/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/05/2023	8	0.330	4,547,400	
204	Lê Trọng	Động	1985		Thạc sĩ	V.07.01.03	3	3.00			01/01/2021	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
205	Phạm Thị Huyền	Trang		1988	Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/01/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/01/2023	12	0.330	6,514,200	
206	Nguyễn Thị	Lý		1987	Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	11	0.330	6,022,500	
207	Nguyễn Văn	Hướng	1976		Tiến sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/02/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2023	11	0.330	6,022,500	
208	Nguyễn Công	Thiết	1985		Thạc sĩ	V.07.01.03	4	3.33			01/03/2021	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2023	10	0.330	5,530,800	
209	Phạm Hồng	Trang		1981	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/11/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/11/2023	2	0.330	1,188,000	
210	Trần Vũ	Hà	1983		Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/03/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/03/2023	10	0.330	5,530,800	
211	Bùi Thị	Lâm		1985	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/04/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/04/2023	9	0.330	5,039,100	
212	Nguyễn Thị	Hương		1986	Thạc sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/02/2023	11	0.330	6,022,500	
213	Phạm Thị	Dung		1986	Tiến sĩ	V.07.01.03	5	3.66			01/02/2021	V.07.01.03	6	3.99			01/02/2023	11	0.330	6,022,500	

STT	Họ đệm	Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn nghiệp vụ được đào tạo	Ngạch/chức danh, bậc, hệ số lương trước khi được nâng bậc						Kết quả nâng bậc lương năm 2023						Số tháng	Chênh lệch	Tiền lương tăng thêm do nâng bậc và phụ cấp TNVK trong năm (đồng)	Ghi chú
			Nam	Nữ		Mã số ngạch/ chức danh	Bậc trong ngạch/ chức danh	HSL ở bậc hiện giữ	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời điểm được tính hưởng	Mã số ngạch/ chức danh	Bậc lương sau nâng bậc	HSL mới được nâng bậc	% PCTN vượt khung	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian, tính hưởng/ nâng, bậc, PC TNVK lần sau				
214	Nguyễn Thái	Học	1979		Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/10/2021	V.07.01.03	7	4.32			01/10/2023	3	0.330	1,782,000	
215	Nguyễn Hùng	Anh	1980		Tiến sĩ	V.07.01.03	6	3.99			01/08/2021	V.07.01.03	7	4.32			01/08/2023	5	0.330	2,970,000	
III	**Viên chức và người lao động được tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung**																				
216	Vũ Thị	Dân		1969	Thạc sĩ	01.003	9	4.98	5%		01/09/2022	01.003	9	4.98	6%		01/09/2023	4	0.050	358,560	
217	Nguyễn Xuân	Minh	1964		CN-SơCấp	01.007	12	3.63	21%		01/12/2022	01.007	12	3.63	22%		01/12/2023	1	0.036	65,340	
218	Nguyễn Đức	Quang	1963		CN-SơCấp	01.007	12	3.63	21%		01/12/2022	01.007	12	3.63	22%		01/12/2023	1	0.036	65,340	
219	Bùi Văn	Đức	1970			01.011	12	3.48	5%		01/10/2022	01.011	12	3.48	6%		01/10/2023	3	0.035	187,920	
220	Nguyễn Quang	Phong	1963			01.011	12	3.48	20%		01/12/2022	01.011	12	3.48	21%		01/12/2023	1	0.035	62,640	
221	Nguyễn Đỗ	Thảo	1963			01.011	12	3.48	19%		01/12/2022	01.011	12	3.48	20%		01/12/2023	1	0.035	62,640	
222	Vũ Đình	Tâm	1964		Đại học	06.031	9	4.98	5%		01/07/2022	06.031	9	4.98	6%		01/07/2023	6	0.050	537,840	
223	Đặng Bá	Chính	1966		Đại học	13.095	9	4.98			01/09/2020	13.095	9	4.98	5%		01/09/2023	4	0.249	1,792,800	
224	Vũ Thị Xuân	Hương		1968	Thạc sĩ	V.05.02.07	9	4.98	8%		01/07/2022	V.05.02.07	9	4.98	9%		01/07/2023	6	0.050	537,840	
225	Nguyễn Văn	Thanh	1954		Tiến sĩ	V.07.01.01	6	8.00	5%		01/12/2022	V.07.01.01	6	8.00	6%		01/12/2023	1	0.080	144,000	
226	Trần Thanh	Hải	1971		Thạc sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/09/2020	V.07.01.03	9	4.98	5%		01/09/2023	4	0.249	1,792,800	
227	Hoàng Hải	Hà	1972		Tiến sĩ	V.07.01.03	9	4.98			01/11/2020	V.07.01.03	10	4.98	5%		01/11/2023	2	0.249	896,400	

Trong danh sách này có: **227** người

- Nâng bậc lương thường xuyên: ***132*** người
- Nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ: ***83*** người
- Tính hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung: ***12*** người